

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI HÀ NỘI**

-----***-----

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

-----o0o-----

Bản án số: **210/2021/HC-PT**

Ngày: 26/10/2021

V/v: Khiếu kiện Quyết định
hành chính về quản lý đất đai

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI
Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hải Thanh;

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Xuân Điền;

Bà Nguyễn Phương Hạnh.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Hà Lê Giang, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 10 năm 2021, tại trụ sở, Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội, mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 318/2020/TLPT-HC ngày 29 tháng 5 năm 2020 về việc: Khiếu kiện Quyết định hành chính về quản lý đất đai, do có kháng cáo của người khởi kiện đối với Bản án hành chính sơ thẩm số 22/2020/HCST ngày 24 tháng 4 năm 2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 8157/2020/QĐ-PT ngày 03 tháng 11 năm 2020 giữa các đương sự:

Người khởi kiện: Bà Dương Thị Ch, sinh năm 1958; địa chỉ: Thôn LĐ, xã HT, huyện TG, tỉnh Thanh Hóa. Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện:

- Ông Nguyễn Đại H - Luật sư Công ty Luật TNHH Fanci - Chi nhánh Thăng Long - Đoàn Luật sư thành phố Hà Nội. Có mặt.

Người bị kiện: UBND huyện TG, tỉnh Thanh Hóa. Địa chỉ: Tiểu khu 1, thị trấn TG, huyện TG, tỉnh Thanh Hóa (nay là thị xã NS, tỉnh Thanh Hóa).

- *Người đại diện theo ủy quyền:* Ông Phạm Văn Nh - Phó Chủ tịch UBND thị xã NS (văn bản ủy quyền ngày 17/11/2020). Vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- UBND xã HT, huyện TG, tỉnh Thanh Hóa; địa chỉ: Thôn BH, xã HT, huyện TG, tỉnh Thanh Hóa.

Đại diện theo ủy quyền của Chủ tịch UBND xã HT: Ông Trần Văn L, công chức địa chính. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, người khởi kiện là bà Dương Thị Ch trình bày: Thực hiện Dự án đường Đông Tây 4 đi cảng NS - Khu kinh tế NS, UBND huyện TG đã ban hành các Quyết định thu hồi đất và phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đối với gia đình bà, các quyết định này làm ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của bà, cụ thể như sau:

- Theo Quyết định số 3863/QĐ-UBND ngày 01/12/2015 của UBND huyện TG về việc thu hồi đất hộ bà Dương Thị Ch: Tổng diện tích đất bị thu hồi là: 1.757,7m² trong đó gồm: 1.185,2m² đất BHK (thửa 30 tờ bản đồ số 6) và 572,5m² đất CLN (thửa 30 tờ bản đồ số 7). UBND huyện TG xác định loại đất đền bù là đất trồng cây hàng năm và đất trồng cây lâu năm khác. Bà không đồng ý với Quyết định này về việc xác định loại đất, nguồn gốc đất.

- Đối với Quyết định 3869/QĐ-UBND ngày 01/12/2015 và Quyết định số 5979/QĐ-UBND ngày 13/9/2016 của UBND huyện TG cùng nội dung phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đều đã tính toán phương án bồi thường theo quyết định 3863 nên bà không nhất trí với phương án bồi thường này.

- Về nguồn gốc đất: Cuối năm 1979 vì điều kiện gia đình chật hẹp và theo chủ trương của Đảng, Nhà nước, chính quyền khuyến khích người dân không để đất hoang hóa, vợ chồng bà đã bỏ nhiều công sức để tôn tạo mới có được 4.500m² đất, sau đó đã làm nhà, làm vườn, đào ao thả cá. Thửa đất đã được UBND huyện TG cấp GCNQSDĐ số D0531690 ngày 25/5/1994 thuộc thửa 718 tờ bản đồ số 3 được xác định là 4.500m², đất chuyên màu, thời hạn sử dụng lâu dài, có chú thích ghi thêm là đất khai hoang, diện tích đất gia đình bà bị thu hồi (1.757,7m²) nằm trong thửa đất này. Bà có quan điểm: Diện tích đất thu hồi của gia đình bà đã được cấp GCNQSD đất, là đất khai hoang, đất ở có vườn ao được tạo lập trước 01/12/1980, do đó phải xác định là diện tích đất ở bằng 05 (năm) lần hạn mức đất ở tại địa phương trong diện tích đất vườn ao có nhà ở bị thu hồi (1.757,7m²).

Ngày 13/8/2018 bà nhận được Quyết định số 4897/QĐ-UBND ngày 8/8/2018 của UBND huyện TG về việc trả lời khiếu nại. Bà không đồng ý với toàn bộ nội dung quyết định giải quyết khiếu nại của UBND huyện TG và khởi kiện đến Tòa án nhân dân với các yêu cầu:

- Hủy các Quyết định số: 3863/QĐ-UBND ngày 01/12/2015; Quyết định số 3869/QĐ-UBND ngày 1/12/2015 và Quyết định số 5979/QĐ-UBND ngày 13/9/2016 của UBND huyện TG;

- Xác định đúng loại đất đối với diện tích đất của gia đình bà bị thu hồi.
- Xem xét các khoản bồi thường chi phí đầu tư vào đất, có chính sách hỗ trợ để gia đình bà ổn định cuộc sống sau khi thu hồi đất.

Tại phiên đối thoại ngày 17/02/2020, bà Dương Thị Ch rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với Quyết định số 3869 và Quyết định số 5979. Bà chỉ yêu cầu hủy phần liên quan đến hộ gia đình bà trong 02 Quyết định nêu trên.

Ngày 01/3/2020 bà Dương Thị Ch đề nghị xem xét quyết định giải quyết khiếu nại số 4897/QĐ-UBND ngày 08/8/2018 của UBND huyện TG.

Người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện trình bày tại Công văn số

3506/UBND-GPMB ngày 15/11/2019 và trong quá trình giải quyết vụ án:

Đối với yêu cầu khởi kiện của bà Dương Thị Ch về việc hủy bỏ các Quyết định số 3863/QĐ-UBND ngày 01/12/2015 của UBND huyện TG về việc thu hồi đất; Quyết định số 3869/QĐ-UBND ngày 01/12/2015 và Quyết định số 5979/QĐ-UBND ngày 13/9/2016 của UBND huyện TG về phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ GPMB thực hiện Dự án: Đường Đông Tây 4 đi Cảng NS, UBND huyện TG có quan điểm như sau:

Thửa đất thể hiện trên hệ thống hồ sơ địa chính, bản đồ, mục kê xã HT qua các thời kỳ:

1. *Thửa đất số 30 tờ bản đồ 6*, chỉnh lý thửa đất số 29, Trích đo số 40/ Tờ bản đồ 06/TĐĐC-2014, tỷ lệ 1/1000 do Đoàn đo đạc bản đồ và Quy hoạch Sở Tài nguyên và Môi trường Thanh Hóa phê duyệt ngày 08/10/2015. Diện tích nguyên thửa 2.370,2m², diện tích thu hồi 1.185,2m², loại đất trồng cây hàng năm (BHK);

+ Theo Bản đồ 299 xã HT đo vẽ năm 1986 thuộc tờ bản đồ số 3 gồm các thửa: 422, 423, 424, 427, 428, 437, 438, 439, 523, 524, 525, 695, 718, loại đất Lúa màu (LM), không có mục kê kèm theo bản đồ.

+ Bản đồ địa chính xã HT đo vẽ năm 1996 tại thửa 281, tờ bản đồ số 14, diện tích 16.428,0m², loại đất trồng cây hàng năm (BHK), sổ mục kê thể hiện chủ sử dụng là Dương Thị Ch;

+ Bản đồ địa chính xã HT đo vẽ năm 2011, thuộc thửa 66, tờ bản đồ số 14, diện tích đo bao: 34.371,9m², thể hiện loại đất trồng cây hàng năm (BHK), sổ mục kê thể hiện chủ sử dụng là UBND xã.

2. *Thửa đất số 30 tờ bản đồ 7*, chỉnh lý thửa đất số 26, Trích đo số 40/ Tờ bản đồ 07/TĐĐC-2014, tỷ lệ 1/1000 do Đoàn đo đạc bản đồ và Quy hoạch Sở Tài nguyên và Môi trường Thanh Hóa phê duyệt ngày 08/10/2015; thửa số 30, tờ bản đồ số 07, diện tích nguyên thửa 1.862,7 m², diện tích thu hồi 572,7m², loại đất trồng cây lâu năm (CLN);

+ Theo Bản đồ 299 xã HT đo vẽ năm 1986, đo bao thửa 765, tờ BĐ số 03, diện tích 72.150,0m², đất màu (ĐM);

+ Bản đồ địa chính xã HT đo vẽ năm 1996 tại tờ bản đồ 14 gồm các thửa: thửa 313, diện tích 1.470m², loại đất màu (M), sổ mục kê ghi UBND xã; thửa 314, diện tích 2.320m², loại đất màu (M), sổ mục kê ghi UBND xã; thửa 315, diện tích 2.410m², loại đất màu (M), sổ mục kê ghi UBND xã; thửa 383, diện tích 580m², loại đất màu (M), sổ mục kê ghi ông Phạm Văn Thành; thửa 384, diện tích 460m², loại đất màu (M), sổ mục kê ghi bà Hoàng Thị Chung và thửa 325, diện tích 154 m², loại đất màu (M), sổ mục kê ghi ông Dương Công Thọ.

+ Bản đồ địa chính xã HT đo vẽ năm 2011, thuộc thửa 66, tờ bản đồ số 14, diện tích đo bao: 34.371,9m², thể hiện loại đất trồng cây hàng năm (BHK), sổ mục kê thể hiện chủ sử dụng UBND xã.

Về hồ sơ quyền sử dụng đất:

Thửa đất bà Dương Thị Ch đang sử dụng tại thửa 30 tờ bản đồ 06 và thửa 30 tờ bản đồ 07 có nguồn gốc khai hoang. Thửa đất nêu trên không có một trong các loại giấy tờ nào được quy định tại khoản 1 điều 100 Luật Đất đai năm 2013

và Điều 18, Nghị định 43 của Thủ tướng Chính phủ.

Kết quả xác định nguồn gốc của UBND xã HT:

Kết quả xác định nguồn gốc đất của UBND xã HT ngày 12/10/2015; Biên bản giải trình và cam kết của Đảng ủy, UBND, Mặt trận tổ quốc và Hội đồng nhân dân như sau:

+ Xác định thửa đất hộ bà Dương Thị Ch đang sử dụng tại thửa số 30, tờ bản đồ số 06, diện tích nguyên thửa 2.370,2 m², diện tích thu hồi 1.185,2m² là đất sản xuất nông nghiệp trồng cây hàng năm (BHK), gia đình khai hoang sử dụng ổn định liên tục trước ngày 01/7/2004.

+ Xác định thửa đất hộ bà Dương Thị Ch đang sử dụng tại thửa số 30, tờ bản đồ số 07, diện tích nguyên thửa 1.862,7m², diện tích thu hồi 572,7m² là đất sản xuất nông nghiệp trồng cây lâu năm (CLN), gia đình khai hoang sử dụng ổn định liên tục trước ngày 01/7/2004.

Kết quả thực hiện:

Trên cơ sở kết quả kiểm kê hiện trạng ngoài thực địa đối với diện tích đất ảnh hưởng, tài sản gắn liền trên đất và kết quả xác định nguồn gốc đất của UBND xã HT ngày 12/10/2015; Biên bản giải trình và cam kết của Đảng ủy, UBND, Mặt trận tổ quốc và Hội đồng nhân dân xã HT, UBND huyện TG đã ban hành các Quyết định: Số 3863/QĐ-UBND ngày 01/12/2015 về việc thu hồi đất; số 3869/QĐ-UBND ngày 01/12/2015 và Quyết định số 5979/QĐ-UBND ngày 13/9/2016 về phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ GPMB thực hiện Dự án đường Đông Tây 4 đi Cảng NS.

Kết quả giải quyết kiến nghị:

- Ngày 29/11/2016 UBND huyện có văn bản số 159/UBND-TNMT về việc trả lời đơn kiến nghị của hộ bà Dương Thị Ch về nguồn gốc sử dụng đất đối với các thửa bị thu hồi thực hiện dự án đường Đông Tây 4 đi Cảng NS.

- Biên bản hội nghị đối thoại ngày 06/8/2018 của UBND huyện về việc giải quyết vướng mắc, giải phóng mặt bằng thực hiện Dự án: Đường Đông Tây 4 đi Cảng NS - Khu kinh tế NS.

- Biên bản làm việc về việc tiếp công dân và đối thoại các ý kiến, kiến nghị của hộ gia đình cá nhân có đất ảnh hưởng Dự án: Đường Đông Tây 4 đi Cảng NS.

Sau khi xem xét các hồ sơ liên quan đến quyền sử dụng đất của hộ bà Dương Thị Ch, việc bà Dương Thị Ch khiếu nại hủy bỏ các Quyết định: Quyết định 3863/QĐ-UBND ngày 01/12/2015 của UBND huyện TG về việc thu hồi đất; Quyết định số 3869/QĐ-UBND ngày 01/12/2015 và Quyết định số 5979/QĐ-UBND ngày 13/9/2016 của UBND huyện TG về phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ GPMB thực hiện Dự án đường Đông Tây 4 đi Cảng NS, quan điểm của UBND huyện TG là công tác bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đối với dự án dự án đường Đông Tây 4 đi Cảng NS nói chung, đối với hộ bà Dương Thị Ch nói riêng đã được thực hiện công khai, dân chủ, khách quan, đúng trình tự theo quy định của pháp luật, đảm bảo đúng quyền lợi hợp pháp cho hộ bà Dương Thị Ch. Các nội dung yêu cầu của bà Dương Thị Ch nêu trên là không có cơ sở pháp luật. Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa xem xét, giải quyết.

Tại Công văn số 28/UBND-GPMB ngày 26/02/2020 và trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là UBND xã HT, huyện TG, tỉnh Thanh Hóa trình bày: Thống nhất với quan điểm của người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện đã trình bày ở trên. Theo đó, các yêu cầu của bà Dương Thị Ch nêu trên là không có cơ sở pháp luật.

Tại các bản tự khai cùng ngày 25/02/2020 những người làm chứng là ông Dương Công Đ, ông Lê Thanh D, ông Hoàng Đình Đ, ông Lê Văn V, ông Lê Thanh Th, ông Lê Thanh P, bà Nguyễn Thị K và ông Nguyễn Hữu Tr đều thống nhất trình bày: Họ là hàng xóm của bà Dương Thị Ch, quá trình sinh sống tại địa phương có chứng kiến bà Dương Thị Ch cùng chồng là ông Hoàng Đình Th có khai hoang 01 thửa đất tại Lăng Trường, thời điểm khai hoang khoảng năm 1979, nay thuộc thửa 30, tờ bản đồ số 6, đo vẽ năm 2017. Sau khi khai hoang, bà Ch và ông Th có làm nhà ở trên đất và sinh sống ổn định trên thửa đất này cùng các con. Hiện nay, thửa đất này vẫn còn nhà trên đất, gia đình bà Ch vẫn sử dụng thửa đất ổn định vào mục đích để ở và làm vườn, không tranh chấp với ai.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 22/2020/HCST ngày 24/4/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa đã quyết định:

Căn cứ khoản 4 Điều 32; điểm a khoản 2 Điều 116; điểm a khoản 2 Điều 193; điểm d khoản 2 Điều 157; khoản 1 Điều 158 và khoản 1 Điều 358 Luật Tổ tụng hành chính. Khoản 2 Điều 77 Luật Đất đai năm 2013; Điều 3 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ; Điều 19 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án:

1. Không chấp nhận đơn khởi kiện của bà Dương Thị Ch về việc hủy Quyết định số 3863/QĐ-UBND ngày 01/12/2015; hủy phần Quyết định số 3869/QĐ-UBND ngày 01/12/2015 và Quyết định số 5979/QĐ-UBND ngày 13/9/2016 của UBND huyện TG về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư liên quan đến quyền lợi của bà Ch; yêu cầu UBND huyện TG xem xét, giải quyết việc xác định đúng loại đất thu hồi và bồi thường theo đúng loại đất cho gia đình bà; có chính sách hỗ trợ để gia đình bà Ch ổn định cuộc sống sau khi thu hồi đất và yêu cầu xem xét Quyết định giải quyết khiếu nại số 4897/QĐ-UBND ngày 08/8/2018 của UBND huyện TG;

Bản án sơ thẩm còn quyết định về chi phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 05/5/2020 người khởi kiện là bà Dương Thị Ch có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Người khởi kiện Bà Dương Thị Ch giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu trong đơn kháng cáo.

- Đại diện theo ủy quyền của Chủ tịch UBND huyện TG (nay là thị xã NS) có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- Đại diện theo ủy quyền của UBND xã HT vắng mặt

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội có quan điểm:

+ Những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng chấp hành đúng các quy định của Luật Tố tụng hành chính.

+ Về kháng cáo của người khởi kiện: Sau khi phân tích nội dung vụ án, căn cứ kháng cáo của bà Ch... đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bà Ch, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Ngày 01/12/2015, UBND huyện TG ban hành Quyết định số 3863/QĐ-UBND về việc thu hồi đất hộ bà Dương Thị Ch; Quyết định số 3869/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ tái định cư; ngày 13/9/2016, UBND huyện TG ban hành Quyết định số 5979/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư; ngày 08/8/2018 UBND huyện TG ban hành Quyết định số 4897/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại của hộ bà Dương Thị Ch. Ngày 05/11/2018 bà Ch khởi kiện tại Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa.

Hội đồng xét xử nhận thấy: Bản án sơ thẩm đã xác định đúng về đối tượng khởi kiện, quyền khởi kiện, thẩm quyền giải quyết vụ án, thời hiệu khởi kiện theo quy định tại khoản 2 Điều 3, khoản 4 Điều 32, điểm a khoản 3 Điều 116 Luật Tố tụng hành chính; xác định đúng và đủ những người tham gia tố tụng trong vụ án.

[1.2] Bản án sơ thẩm số 22/2020/HCST được Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa xét xử ngày 24/4/2020; ngày 05/5/2020 bà Dương Thị Ch đã nộp đơn kháng cáo tại Tòa án là trong thời hạn kháng cáo quy định tại khoản 1 Điều 206 Luật Tố tụng hành chính, nội dung và hình thức của đơn kháng cáo đúng quy định tại Điều 205 Luật Tố tụng hành chính nên được chấp nhận để giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[1.3] Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện là ông Phạm Văn Nhiệm có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt...

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện: ông Nguyễn Văn Tú và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện ông Mai Cao Cường đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do.

Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 225 Luật Tố tụng hành chính xét xử vắng mặt họ.

[2] Về nội dung: Xét kháng cáo của người bị kiện - bà Dương Thị Ch, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà, Hội đồng

xét xử xét thấy: Bà Dương Thị Châm khởi kiện, đề nghị Tòa án: Hủy Quyết định số 3863/QĐ-UBND ngày 01/12/2015; Hủy phần Quyết định số 3869/QĐ-UBND ngày 01/12/2015 và Quyết định số 5979/QĐ-UBND ngày 13/9/2016 của UBND huyện TG về việc phê duyệt phương án bồi thường - Hỗ trợ - Tái định cư liên quan đến quyền lợi của bà Ch; yêu cầu UBND huyện TG xem xét, giải quyết việc xác định đúng loại đất thu hồi và bồi thường theo đúng loại đất cho gia đình bà; có chính sách hỗ trợ để gia đình bà Ch ổn định cuộc sống sau khi thu hồi đất và yêu cầu xem xét Quyết định giải quyết khiếu nại số 4897/QĐ-UBND ngày 08/8/2018 của UBND huyện TG, Hội đồng xét xử xét thấy như sau:

[2.1] Đánh giá về tính hợp pháp của các Quyết định số 3863/QĐ-UBND ngày 01/12/2015; số 3869/QĐ-UBND ngày 01/12/2015 và Quyết định số 5979/QĐ-UBND ngày 13/9/2016 của UBND huyện TG về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư liên quan đến quyền lợi của bà Ch; Quyết định giải quyết khiếu nại số 4897/QĐ-UBND ngày 08/8/2018 của UBND huyện TG, Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1.1] Về thẩm quyền, trình tự, thủ tục ban hành: Các Quyết định nêu trên được ban hành đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục về thu hồi đất, lập phương án đền bù giải phóng mặt bằng quy định tại Điều 62, 66, 67, 69 Luật Đất đai và việc giải quyết khiếu nại được thực hiện theo đúng Điều 27, 28, 29, 30, 31, 36, 37, 38, 39, 40 Luật Khiếu nại.

[2.1.2] Về hình thức và căn cứ viện dẫn trong các quyết định: Các Quyết định nêu trên đều được ban hành tuân thủ đúng về hình thức; các quy định pháp luật được viện dẫn, áp dụng đều là những văn bản pháp luật đang có hiệu lực tại thời điểm ban hành.

[2.1.3] Về nội dung của các quyết định: Các thửa đất bị thu hồi của gia đình bà Ch thể hiện trên hệ thống hồ sơ địa chính, bản đồ, mục kê xã HT qua các thời kỳ như sau:

- Đối với thửa đất số 30 tờ bản đồ 6, chỉnh lý thửa đất số 29, trích đo số 40/Tờ bản đồ 06/TĐĐC-2014, tỷ lệ 1/1000 do Đoàn đo đạc bản đồ và quy hoạch Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Thanh Hóa phê duyệt ngày 08/10/2015 có diện tích nguyên thửa 2.370,2m²; diện tích thu hồi 1.185,2m², loại đất trồng cây hàng năm (BHK):

+ Theo Bản đồ 299 xã HT đo vẽ năm 1986 thuộc tờ bản đồ số 3 gồm các thửa: 422, 423, 424, 427, 428, 437, 438, 439, 523, 524, 525, 695, 718, loại đất Lúa màu (LM), không có mục kê kèm theo bản đồ (BL 60).

+ Bản đồ địa chính xã HT đo vẽ năm 1996 tại thửa 281, tờ bản đồ số 14, diện tích 16.428,0 m², loại đất trồng cây hàng năm (BHK), sổ mục kê thể hiện chủ sử dụng là Dương Thị Ch (BL 63, 167);

+ Bản đồ địa chính xã HT đo vẽ năm 2011, thuộc thửa 66, tờ bản đồ số 14, diện tích đo bao: 34.371,9m², thể hiện loại đất trồng cây hàng năm (BHK), sổ mục kê thể hiện chủ sử dụng UBND xã.

- Đối với thửa đất số 30 tờ bản đồ 7, chỉnh lý thửa đất số 26, trích đo số 40/tờ bản đồ 07/TĐĐC-2014, tỷ lệ 1/1000 do Đoàn đo đạc bản đồ và Quy hoạch Sở

Tài nguyên và Môi trường Thanh Hóa phê duyệt ngày 08/10/2015; thửa số 30, tờ bản đồ số 07, diện tích nguyên thửa 1.862,7m²; diện tích thu hồi 572,7m², loại đất trồng cây lâu năm (CLN):

+ Theo Bản đồ 299 xã HT đo vẽ năm 1986, đo bao thuộc thửa 765, tờ bản đồ số 03, diện tích 72.150,0m², đất màu (ĐM), không có mục kê kèm theo bản đồ (BL 61);

+ Bản đồ địa chính xã HT đo vẽ năm 1996 tại tờ bản đồ 14 gồm các thửa: thửa 313, diện tích 1.470 m², loại đất màu (M), sổ mục kê ghi UBND xã; thửa 314, diện tích 2.320m², loại đất màu (M), sổ mục kê ghi UBND xã; thửa 315, diện tích 2.410m², loại đất màu (M), sổ mục kê ghi UBND xã; thửa 383, diện tích 580m², loại đất màu (M), sổ mục kê ghi ông Phạm Văn Th; thửa 384, diện tích 460m², loại đất màu (M), sổ mục kê ghi bà Hoàng Thị Chung và thửa 325, diện tích 154m², loại đất màu (M), sổ mục kê ghi ông Dương Công Th (BL 62 162, 163).

+ Bản đồ địa chính xã HT đo vẽ năm 2011: Thuộc thửa 66, tờ bản đồ số 14, diện tích đo bao: 34.371,9m², thể hiện loại đất trồng cây hàng năm (BHK), sổ mục kê thể hiện chủ sử dụng UBND xã.

Theo Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 26/02/2020 của Tòa án cấp sơ thẩm (Bút lục: 141, 142) thể hiện:

+ Tại thửa đất số 30 Tờ bản đồ số 06 theo trích đo năm 2014, diện tích nguyên thửa 2.370,2m², diện tích thu hồi 1.185,2m² loại đất trồng cây hàng năm (BHK). Hiện trạng trên đất có 01 ngôi nhà, phía trước ngôi nhà có 01 bể nước. Ngôi nhà chiều rộng 4,7m; chiều dài 21,9m; tường phía dưới xây bằng đá (đã cũ), phía trên xây bằng gạch cóm (phần mới xây thêm), mái lợp tôn...(chi tiết cụ thể theo biên bản thẩm định); bể nước không có nắp đậy, hiện không sử dụng. Hiện trạng trên đất không có cây cối gì.

+ Tại thửa đất số 30 Tờ bản đồ số 07 theo trích đo năm 2014, diện tích nguyên thửa 1.862,7m², diện tích thu hồi 572,5m² loại đất trồng cây hàng năm (BHK). Hiện trạng trên đất không có cây cối gì.

Mặc dù diện tích đất thu hồi, trên đất có vật kiến trúc xây dựng nhưng theo ghi nhận của các thời kỳ bản đồ đều là đất trồng cây lâu năm, đất màu. Gia đình bà Ch chưa chuyển đổi mục đích sử dụng đất. Đồng thời, 02 mảnh đất nêu trên cũng không liên kề với khu đất ở trong dân cư của hộ gia đình bà Ch, khoảng cách cách xa gần 02km (Bút lục: 141).

Tại phiên tòa sơ thẩm và phúc thẩm bà Ch thừa nhận ngôi nhà trên thửa đất 30 Tờ bản đồ số 6 là khu chuồng trại của gia đình bà và đã được nhà nước bồi thường từ năm 2009.

Tại bản tự kê khai ngày 10/10/2015, chính bà Dương Thị Ch (BL 117) bà Ch đã xác định: Thửa đất số 30, tờ bản đồ số 6 là đất BHK (đất sản xuất nông nghiệp trồng cây hàng năm) và thửa đất số 30 tờ bản đồ số 7 là đất CLN (đất sản xuất nông nghiệp trồng cây lâu năm).

Về hồ sơ quyền sử dụng đất: Thửa đất bà Dương Thị Ch đang sử dụng và bị thu hồi một phần diện tích thuộc thửa 30 tờ bản đồ 06 và thửa 30 tờ bản đồ 07

theo trích đo năm 2014 của Sở Tài nguyên và Môi trường thực hiện, diện tích đất bị thu hồi có nguồn gốc khai hoang. Thửa đất nêu trên không có một trong các loại giấy tờ được quy định tại khoản 1 Điều 100 Luật Đất đai năm 2013 và Điều 18 Nghị định 43 của Chính phủ. Gia đình bà Dương Thị Ch cung cấp cho Tòa án GCNQSD đất số D 0531690, vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00174 QSDĐ/35 ngày 23/5/1994 do UBND huyện TG cấp cấp cho ông Hoàng Đình Thanh (là chồng bà Ch). Tuy nhiên, GCNQSD đất này đã bị Chủ tịch UBND huyện TG ban hành quyết định thu hồi theo Quyết định số 47/QĐ-UBND ngày 10/4/1998. Sau khi bị thu hồi gia đình bà Ch đã chấp hành, không có khiếu nại hoặc khởi kiện vụ án hành chính.

Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử xác định: Khu đất của bà Ch tại thửa số 30, tờ bản đồ số 06, diện tích nguyên thửa 2.370,2m², diện tích thu hồi 1.185,2m² là đất sản xuất nông nghiệp, trồng cây hàng năm (BHK), gia đình khai hoang sử dụng ổn định liên tục trước ngày 01/7/2004; thửa số 30, tờ bản đồ số 07, diện tích nguyên thửa 1.862,7m², diện tích thu hồi 572,7 m² là đất sản xuất nông nghiệp trồng cây lâu năm (CLN), gia đình khai hoang sử dụng ổn định liên tục trước ngày 01/7/2004, không có cơ sở xác định loại đất thu hồi của bà Ch là đất ở hoặc đất trồng cây hàng năm như bà Ch yêu cầu.

Về chính sách hỗ trợ ổn định cuộc sống: UBND huyện TG đã có chính sách hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất khi nhà nước thu hồi đất theo Quyết định số 5979/QĐ-UBND ngày 13/9/2016. Theo đó bà Dương Thị Ch được hỗ trợ số tiền 112.076.300đ. Việc UBND huyện TG có chính sách hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất khi nhà nước thu hồi đất là đúng quy định của pháp luật; căn cứ Điều 19 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ.

[3] Từ những căn cứ và phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử nhận thấy bản án sơ thẩm không chấp nhận đơn khởi kiện của bà Dương Thị Ch về việc đề nghị hủy Quyết định số 3863/QĐ-UBND ngày 01/12/2015; hủy phần Quyết định số 3869/QĐ-UBND ngày 01/12/2015 và Quyết định số 5979/QĐ-UBND ngày 13/9/2016 của UBND huyện TG về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư liên quan đến quyền lợi của bà Ch và yêu cầu xem xét Quyết định giải quyết khiếu nại số 4897/QĐ-UBND ngày 08/8/2018 của UBND huyện TG là có căn cứ. Do vậy, Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bà Ch, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội về việc giữ nguyên bản án sơ thẩm là có cơ sở, đúng pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Xét về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Do yêu cầu khởi kiện của bà Ch không được Tòa án chấp nhận. Do đó quyết định của bản án sơ thẩm buộc bà Ch phải chịu 1.900.000 đ (một triệu chín trăm ngàn đồng) tiền chi phí cho việc xem xét, thẩm định tại chỗ là đúng quy định tại khoản 1 Điều 358 Luật Tố tụng hành chính.

[6] Về án phí: Căn cứ khoản 1 Điều 32; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Do bà Ch là người cao tuổi nên Hội đồng xét xử miễn án phí hành chính phúc thẩm cho bà Ch.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tổ tụng hành chính;

1. Không chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện bà Dương Thị Ch. Giữ nguyên bản án hành chính sơ thẩm số 22/2020/HCST ngày 24/4/2020 Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa.

2. Miễn án phí hành chính cho bà Dương Thị Ch, hoàn trả bà Dương Thị Ch số tiền 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0007010 ngày 08/9/2019 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Thanh Hóa.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND CC tại Hà Nội;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- Cục THADS tỉnh Thanh Hóa;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Nguyễn Hải Thanh